TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 152/2019/HNGĐ-ST
Ngày 24 – 7 – 2019
Về việc xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thu.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Hoàng Kha.
2. Ông Lê Văn Vượng.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thúy Dung, là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà: Ông Dương Phi Cát - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 526/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2019 về việc "xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 502/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

– Nguyên đơn: Chị Hồng N, sinh năm: 1986 (có mặt).
Địa chỉ: Khóm B, phường X, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

– Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1986 (xin vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp A, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau (Hiện đang chấp hành án tại trại giam K2 Cái Tàu thuộc ấp Bảy Ghe, xã Khánh Hải, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 13/5/2019 và quá trình giải quyết vụ án, chị Hồng N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Đ chung sống vợ chồng vào năm 2005, đến ngày 04/8/2010 anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Tân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau và đã ly thân từ năm 2011. Nay chị xác định tình cảm không còn nên chị yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 02 người con tên Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh ngày 16/3/2006; Nguyễn Ngọc Yến Tr, sinh ngày 12/4/2011, hiện hai cháu đang

sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác định không nợ ai và không ai nợ lại anh chị.

- Tại biên bản ghi ý kiến anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị N xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2005, đến năm 2010 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Tân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2011 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm dẫn đến cự cãi thường xuyên. Nay chị N xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị N có 02 người con tên Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh ngày 16/3/2006; Nguyễn Ngọc Yến Tr, sinh ngày 12/4/2011, hiện hai cháu đang sống với chị N. Khi ly hôn, anh đồng ý giao 02 con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh xác định không nợ ai và không ai nợ lại anh chị.

- Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật, không vi phạm.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N, giao hai cháu Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh ngày 16/3/2006; Nguyễn Ngọc Yến Tr, sinh ngày 12/4/2011 cho chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng; Về tài sản chung và nợ chung: Không có; Về án phí, nguyên đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định phân công Thẩm phán giải quyết vụ án, thông báo thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng do anh đang chấp hành án tại trại giam K2 Cái Tàu nên anh xin vắng mặt tại các phiên họp, hòa giải và xét xử. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị Hồng N và anh Nguyễn Văn Đ xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2005, đến ngày 04/8/2010 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Tân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống chị N, anh Đ xác định vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến cự cãi thường xuyên và đã ly thân từ năm 2011. Nay chị N xác định tình cảm không còn nên chị yêu cầu ly hôn anh Đ và được anh Đ đồng ý. Xét thấy, đời sống hôn nhân của anh, chị đã thực sự không còn, mâu thuẫn giữa anh chị là có xảy ra, nay cả hai anh chị thống nhất ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của anh chị, cho chị N được ly hôn anh Đ.

[3] Về con chung: Chị N và anh Đ có 02 người con tên Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh ngày 16/3/2006; Nguyễn Ngọc Yến Tr, sinh ngày 12/4/2011, hiện hai cháu đang sống với chị N. Khi ly hôn, chị N, anh Đ thống nhất giao 02 cháu Y và Tr cho chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, 02 cháu hiện do chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Đ và chị N thống nhất giao 02 con chung cho chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và cũng phù hợp với nguyện vọng của 02 cháu muốn sống với mẹ nếu cha mẹ ly hôn nên căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao 02 cháu Y, Tr cho chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là hoàn toàn có cơ sở.

[4] Về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con: Chị N không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị N, anh Đ xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị N, anh Đ khai vợ, chồng không nợ ai và không ai nợ lại nên không đặt ra xem xét.

[7] Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Hồng N về việc xin ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.
- Về con chung: Giao 02 cháu Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh ngày 16/3/2006; Nguyễn Ngọc Yến Tr, sinh ngày 12/4/2011 cho chị Hồng N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đ được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không có;
- Về nợ chung: Không có.
- Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, chị N phải chịu 300.000đ. Ngày 14 tháng 5 năm 2019, chị N đã dự nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 0003109 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời nên được đối trừ chuyển thu sung công quỹ nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Hồng N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)
Lê Thị Thu

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- UBND xã Hòa Tân, Tp Cà Mau, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.